

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2017

“*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Miên ;

2. Ông Đinh Văn Lộc;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên

Trong ngày 31/8/2017, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2017 về việc “Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có trải qua thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau đó tổ chức đám cưới tự nguyện sống chung với nhau từ tháng 01 năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình sống chung. Chị H luôn sống đúng đạo làm con, làm vợ và làm mẹ trong gia đình. Các con ngoan ngoãn học giỏi, chị H được gia đình bên chồng thương yêu quý trọng. Tuy nhiên anh T có quan hệ ngoại tình và có con với người phụ nữ khác nên về nhà thường xuyên chửi đánh đập chị H. Chị H đã chịu đựng nhiều năm chấp nhận sống chung để các con có cả mẹ cha nhưng anh T không thay đổi mà xử sự với chị H ngày càng tệ bạc nhẫn tâm nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Chị H và anh T thừa nhận quá trình sống chung anh chị có 04 con chung tên:

1/ Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 23/10/1998. Sinh viên

2/ Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 22/12/2004. Học sinh

3/ Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 06/4/2008. Học sinh.

4/ Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 06/8/2010. Học sinh

Quá trình giải quyết vụ án các con chung đều có đơn xin được ở với mẹ

Quá trình giải quyết vụ án và theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt: Chị H và anh T tự nguyện thỏa thuận giao cho chị H nuôi cả 04 con chung. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N 5.000.000đ/tháng; Cấp dưỡng nuôi cháu: Q Y, H 2.000.000đ/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2017 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động, tự lập được.

Chị H và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H tự nguyện chịu hết toàn bộ án phí về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng chị H đã giao nộp cho Tòa án và Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai những tài liệu chứng cứ sau:

- 01 Sổ hộ khẩu (photo, chứng thực);
- 02 Chứng minh nhân dân (photo chứng thực);
- 04 Giấy khai sinh (Bản photo chứng thực);

Chị H và anh T nhất trí với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đưa ra xem xét công khai tại phiên họp .

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

1/ Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T nhưng do chị H và anh T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật qui định do đó Toà án xác định quan hệ tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” và giải quyết hậu quả về việc “Nuôi con chung” là đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đúng Pháp luật qui định. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các Đương sự, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên toà đều đảm bảo đúng pháp luật qui định.

2/ Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T thừa nhận tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng do anh T có quan hệ ngoại tình và có con với người phụ nữ khác nên về nhà thường xuyên chửi bới đánh đập chị H hết sức thậm tệ nên chị H không muốn tiếp tục chung sống với anh T nữa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14,15,53 của Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014, xử theo hướng tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

* Về con chung và nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung và án phí của vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82,83,84, 110,116, 117, 118 Luật hôn nhân - Gia đình xử theo hướng giao cả 04 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Trúc Q Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Thị Khánh H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N ra trường và có khả năng lao động, tự lập được và anh T có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi ba cháu: Q, Y, H 2.000.000đ/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2017 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động, tự lập được.

* *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh T tự thỏa thuận nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

* *Về án phí*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, Chị H và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo nội dung đơn chị H và anh T yêu cầu Tòa án giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có trải qua thời gian tìm hiểu 1 năm sau đó tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Theo qui định của Luật Hôn nhân-Gia đình thì việc hôn nhân giữa chị H và anh T là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng

Cuộc sống chung giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn thực sự trầm trọng kéo dài nhiều năm, cả hai bên không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng mong muốn được chấm dứt cuộc sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14,15 Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân - Gia đình cần tuyên bố: Không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[2] Về con chung và nuôi con chung: chị H và anh T công nhận có 04 con chung tên:

1/ Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 23/10/1998. Sinh viên

2/ Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 22/12/2004. Học sinh

3/ Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 06/4/2008. Học sinh.

4/ Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 06/8/2010. Học sinh

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, các cháu: N, Q, Y, H có nguyện vọng xin ở với mẹ và được chị H chấp nhận.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt của chị H và anh T cũng đều thống nhất việc nuôi con được thực hiện theo nguyện vọng của các con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81,82,83,84, 110,116, 117, 118 Luật hôn nhân - Gia đình: Xử giao cả 04 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Trúc Q, Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Thị Khánh H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N 5.000.000đ/tháng; Cấp dưỡng nuôi cháu: Q, Y, H 2.000.000đ/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2017 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động, tự lập được là phù hợp với nguyện vọng của các con, của chị H, anh T và qui định của Pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ theo pháp luật qui định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 14, 15 Khoản 2 Điều 53, Điều 81,82,83,84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 28,35,36, 144, 146,147,266,269,271,273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- *Về con chung và nuôi con chung*: Theo nguyện vọng của các con. Xử giao cả 04 con chung là Nguyễn Thị Hồng N Sinh ngày 23/10/1998

Nguyễn Thị Trúc Q Sinh ngày 22/12/2004

Nguyễn Thị Hải Y Sinh ngày 06/4/2008

Nguyễn Thị Khánh H Sinh ngày 06/8/2010

Cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Thắng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N 5.000.000đ/tháng; Cấp dưỡng nuôi các cháu: Q, Y, H 2.000.000đ/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2017 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động, tự lập được..

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, chị H và anh T đều có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí*: Chị H tự nguyện chịu hết toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006685 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tiếp tục thu của chị H 300.000đ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo Phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản sao Bản án được niêm yết hợp lệ
(Đã giải thích phần Quyết định của Bản án)

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ KIM THOA